

TRƯỜNG THPT BUI THỊ XUÂN – ĐÀ LẠT
TỔ NGŨ VĂN

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP KIỂM TRA GIỮA KỲ I, NĂM HỌC 2025 – 2026
MÔN NGŨ VĂN LỚP 10

PHẦN 1: MA TRẬN, ĐẶC TẢ

A. KHUNG MA TRẬN

TT	Kĩ năng	Nội dung kiến thức/đơn vị kĩ năng	Mức độ nhận thức				Tổng % điểm
			Nhận biết (Số câu)	Thông hiểu (Số câu)	Vận dụng (Số câu)	Vận dụng cao (Số câu)	
1	Đọc <i>(Chọn 1 trong 3 loại)</i>	Thần thoại	2	1	1	1	5 câu
		Truyện	1 điểm	1 điểm	1 điểm	1 điểm	4 điểm
		Thơ trữ tình	(10%)	(10%)	(10%)	(10%)	(40%)
2	Viết	Viết văn bản nghị luận phân tích, đánh giá một đoạn trích/tác phẩm văn học (Phần Viết ở Bài 1, 2)	1* (20%)	1* (20%)	1* (10%)	1* (10%)	1 câu 6 điểm (60%)
Tỉ lệ %			30%	30%	20%	20%	100%
Tổng % điểm			60%		40%		

Lưu ý:

- Tất cả các câu hỏi trong đề kiểm tra là câu hỏi tự luận.
- Cách cho điểm mỗi câu hỏi được quy định chi tiết trong *Đáp án - Hướng dẫn chấm*.

B. BẢNG ĐẶC TẢ

TT	Kĩ năng	Đơn vị kiến thức/Kĩ năng	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tỉ lệ %
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
1	ĐỌC HIỂU	Đọc hiểu các văn bản:	1. Thần thoại Nhận biết:	2	1	1	1	40

	1. Thần thoại 2. Truyện 3. Thơ trữ tình <i>(Ngữ liệu ngoài sách giáo khoa)</i>	- Nhận biết được không gian, thời gian trong truyện thần thoại. - Nhận biết được đặc điểm của cốt truyện, câu chuyện, nhân vật trong truyện thần thoại. - Nhận biết được đề tài; các chi tiết tiêu biểu, đặc trưng của truyện thần thoại. - Nhận biết được bối cảnh lịch sử - văn hoá được thể hiện trong truyện thần thoại. Thông hiểu: - Tóm tắt được cốt truyện. - Phân tích được những đặc điểm của nhân vật; lí giải được vị trí, vai trò, ý nghĩa của nhân vật trong tác phẩm. - Chỉ ra được ý nghĩa, tác dụng của đề tài, các chi tiết tiêu biểu, đặc trưng của truyện thần thoại; lí giải được mối quan hệ giữa đề tài, chi tiết, câu chuyện và nhân vật trong tính chỉnh thể của truyện thần thoại. - Xác định được chủ đề, tư tưởng, thông điệp của văn bản; chỉ ra và phân tích được những căn cứ để xác định chủ đề của văn bản. - Lí giải được tình cảm, thái độ của người kể chuyện với nhân vật trong truyện thần thoại. - Phát hiện và lí giải các giá trị đạo đức, văn hóa từ văn bản.				

		- Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của các biện pháp nghệ thuật xây dựng nhân vật. Vận dụng: - Rút ra được bài học về cách nghĩ, cách ứng xử do văn bản gợi ra. - Nêu được ý nghĩa hay tác động của tác phẩm đối với tình cảm, quan niệm, cách nghĩ của bản thân trước một vấn đề đặt ra trong đời sống hoặc văn học. Vận dụng cao: - Vận dụng những hiểu biết về bối cảnh lịch sử – văn hoá được thể hiện trong văn bản để lí giải ý nghĩa, thông điệp của văn bản. - Đánh giá được ý nghĩa, giá trị của thông điệp, chi tiết, hình tượng,... trong tác phẩm theo quan niệm của cá nhân. - Liên hệ để thấy một số điểm gần gũi về nội dung giữa các tác phẩm thần thoại thuộc những nền văn học khác nhau. 2. Truyện Nhận biết: - Nhận biết lời kể, ngôi kể, lời người kể chuyện và lời nhân vật. - Nhận biết đề tài, không gian, thời gian, chi tiết tiêu biểu trong truyện. - Nhận biết được những đặc điểm của nhân vật, cốt				

		truyện, câu chuyện trong tác phẩm truyện. - Nhận biết được bối cảnh lịch sử - văn hóa được thể hiện trong văn bản truyện. Thông hiểu: - Tóm tắt được cốt truyện và lí giải được ý nghĩa, tác dụng của cốt truyện. - Phân tích được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện và lí giải được mối quan hệ giữa các yếu tố này trong tính chỉnh thể của tác phẩm. - Lí giải được ý nghĩa, tác dụng của việc lựa chọn lời kể, ngôi kể, điểm nhìn trong tác phẩm. - Phân tích, đánh giá được đặc điểm của nhân vật và vai trò của nhân vật trong tác phẩm. - Xác định được chủ đề, tư tưởng của tác phẩm; chỉ ra được những căn cứ để xác định chủ đề, tư tưởng của tác phẩm. - Phát hiện và lí giải các giá trị đạo đức, văn hóa từ văn bản. - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của các biện pháp nghệ thuật xây dựng nhân vật. Vận dụng: - Rút ra được bài học về cách nghĩ, cách ứng xử do văn bản gợi ra. - Nêu được ý nghĩa hay tác động của tác phẩm đối với				

		tình cảm, quan niệm, cách nghĩ của bản thân trước một vấn đề đặt ra trong đời sống hoặc văn học. Vận dụng cao: - Vận dụng những hiểu biết về bối cảnh lịch sử - văn hoá được thể hiện trong văn bản để lí giải ý nghĩa, thông điệp của văn bản. - Đánh giá được ý nghĩa, giá trị của thông điệp, chi tiết, hình tượng, những đặc sắc về nghệ thuật trong tác phẩm theo quan niệm của cá nhân. - Liên hệ để thấy một số điểm gần gũi về nội dung giữa các tác phẩm truyện thuộc những nền văn học khác nhau. 3. Thơ trữ tình Nhận biết: - Nhận biết được các biểu hiện của thể thơ, từ ngữ, vần, nhịp, đối và các biện pháp nghệ thuật trong bài thơ. - Nhận biết được bố cục, những hình ảnh, chi tiết tiêu biểu trong bài thơ. - Nhận biết được nhân vật trữ tình, chủ thể trữ tình trong bài thơ. - Nhận biết được bối cảnh lịch sử - văn hoá được thể hiện trong bài thơ. - Nhận biết được những biểu hiện trực tiếp của tình cảm, cảm xúc trong bài thơ.				

			Thông hiểu: - Phân tích được giá trị biểu đạt, giá trị thẩm mỹ của từ ngữ, vần, nhịp và các biện pháp tu từ được sử dụng trong bài thơ. - Phân tích được ý nghĩa, giá trị của hình ảnh, chi tiết tiêu biểu trong bài thơ - Hiểu và lí giải được tình cảm, cảm xúc của nhân vật trữ tình thể hiện trong bài thơ. - Nêu được cảm hứng chủ đạo, chủ đề, thông điệp của bài thơ. - Phát hiện và lí giải các giá trị đạo đức, văn hóa từ bài thơ. Vận dụng: - Rút ra được bài học về cách nghĩ, cách ứng xử do bài thơ gợi ra. - Nêu được ý nghĩa hay tác động của tác phẩm đối với tình cảm, quan niệm, cách nghĩ của bản thân trước một vấn đề đặt ra trong đời sống hoặc văn học Vận dụng cao: - Vận dụng những hiểu biết về bối cảnh lịch sử - văn hoá được thể hiện trong bài thơ để lí giải ý nghĩa, thông điệp của bài thơ. - Đánh giá được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua cách nhìn, cách cảm nhận riêng của tác giả về con người, cuộc sống; qua cách					

			sử dụng từ ngữ, hình ảnh, giọng điệu.					
2	VIẾT	Viết văn bản nghị luận phân tích, đánh giá một đoạn trích/tác phẩm văn học	Nhận biết: - Giới thiệu được đầy đủ thông tin chính về tên tác phẩm, tác giả, thể loại,... của đoạn trích/tác phẩm. - Đảm bảo cấu trúc, bố cục của một văn bản nghị luận. Thông hiểu: - Trình bày được những nội dung khái quát của đoạn trích/ tác phẩm văn học. - Triển khai vấn đề nghị luận thành những luận điểm phù hợp. Phân tích được những đặc sắc về nội dung, hình thức nghệ thuật và chủ đề của đoạn trích/ tác phẩm. - Kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm. - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. Vận dụng: - Nêu được những bài học rút ra từ đoạn trích/ tác phẩm. - Thể hiện được sự đồng tình / không đồng tình với thông điệp của tác giả (thể hiện trong đoạn trích/ tác phẩm). - Có cách diễn đạt độc đáo, sáng tạo, hợp logic. Vận dụng cao: - Đánh giá được ý nghĩa, giá trị của nội dung và hình thức đoạn trích/ tác phẩm.	1*	1*	1*	1*	60%

			- Thể hiện rõ quan điểm, cá tính trong bài viết. - Vận dụng hiệu quả những kiến thức Tiếng Việt lớp 10 để tăng tính thuyết phục, sức hấp dẫn cho bài viết.					
Tỉ lệ %				30%	30%	20%	20%	100%
Tỉ lệ chung				60%		40%		

PHẦN 2. KIẾN THỨC CƠ BẢN

A. TRI THỨC NGŨ VĂN

BÀI 1. SỨC HẤP DẪN CỦA TRUYỆN KỂ

I. Truyện kể

1. Cốt truyện

Cốt truyện trong tác phẩm tự sự (thần thoại, sử thi, cổ tích, truyện ngắn, tiểu thuyết,...) và kịch được tạo nên bởi sự kiện (hoặc chuỗi sự kiện). Sự kiện là sự việc, biến cố dẫn đến những thay đổi mang tính bước ngoặt trong thế giới nghệ thuật hoặc bộc lộ những ý nghĩa nhất định với nhân vật hay người đọc – điều chưa được họ nhận thấy cho đến khi nó xảy ra.

2. Truyện kể

Sự kiện trong cốt truyện được triển khai hoặc liên kết với nhau theo một mạch kể nhất định. Mạch kể này thống nhất với hệ thống chi tiết và lời văn nghệ thuật (bao gồm các thành phần lời kể, lời tả, lời bình luận, ...) tạo thành truyện kể.

3. Người kể chuyện

- Truyện kể chỉ tồn tại khi có người kể chuyện. Trong nhiều loại hình tự sự dân gian, người kể chuyện có thể là người trực tiếp diễn xướng để kể lại câu chuyện cho công chúng. Trong tự sự của văn học viết, người kể chuyện là “vai” hay “đại diện” mà nhà văn tạo ra để thay mình thực hiện việc kể chuyện.

- Nhờ người kể chuyện, người đọc được dẫn dắt vào thế giới nghệ thuật của truyện. Kể để tri nhận về nhân vật, sự kiện, không gian, thời gian, ... Người kể chuyện cũng khơi dậy ở người đọc những suy tư về ý nghĩa mà truyện kể có thể gợi ra.

4. Nhân vật

Nhân vật là con người cụ thể được khắc họa trong tác phẩm văn học bằng các biện pháp nghệ thuật. Cũng có những trường hợp nhân vật trong tác phẩm văn học là thần linh, loài vật, đồ vật, ... nhưng khi ấy, chúng vẫn đại diện cho những tính cách, tâm lí, ý chí hay khát vọng của con người. Nhân vật là phương tiện để văn học khám phá và cắt nghĩa về con người.

II. Thần thoại

1. Khái niệm

Thể loại tự sự dân gian, ra đời sớm nhất trong lịch sử truyện kể dân gian. Đó là những truyện có nội dung hoang đường, tưởng tượng về các vị thần, những nhân vật sáng tạo thế giới... phản ánh nhận thức, cách lí giải của con người thời nguyên thủy về các hiện tượng tự nhiên và xã hội - Căn cứ vào chủ đề, có thể chia thần thoại thành hai nhóm: thần thoại kể về nguồn gốc vũ trụ và muôn loài (thần thoại suy nguyên); thần thoại kể về cuộc chinh phục thiên nhiên và sáng tạo văn hoá (thần thoại sáng tạo).

2. Không gian: vũ trụ nguyên sơ với nhiều cõi khác nhau: cõi trời, cõi đất, cõi nước. ba cõi này biến chuyển, liên thông với nhau.

3. Thời gian: Là thời gian của quá khứ thời nguyên thủy, không được xác định cụ thể Thời gian phiếm chỉ, mang tính ước lệ, thường diễn ra theo trình tự vốn có.

4. Nhân vật

- Các vị thần: có ngoại hình và hành động phi thường, có khả năng biến hóa khôn lường.
- Họ đều có công tạo lập thế giới, có hình hài kỳ dị đặc biệt.

5. Cốt truyện

- Cốt truyện xoay quanh lí giải các hiện tượng tự nhiên và xã hội, sự hình thành thế giới.
- Thường có cốt truyện đơn giản: có thể là cốt truyện đơn tuyến, tập trung vào một nhân vật hoặc là một tổ hợp nhiều cốt truyện đơn (tạo thành một “hệ thần thoại”).

6. Người kể chuyện, lời kể chuyện

- Người kể chuyện thường ở ngôi thứ 3, là tác giả dân gian (người kể chuyện toàn tri)
- Lời kể thần thoại: hồn nhiên, chất phác, bay bổng, lãng mạn.

7. Giá trị tác phẩm

- Thần thoại cất nghĩa, lí giải các hiện tượng tự nhiên và đời sống xã hội, thể hiện niềm tin của con người cổ sơ cũng như những khát vọng tinh thần có ý nghĩa lâu dài của nhân loại.
- Ra đời trong “tuổi ấu thơ” của loài người nên thần thoại mang tính nguyên hợp: chứa đựng các yếu tố nghệ thuật, tôn giáo, triết học, lịch sử, ... Vì vậy, thần thoại có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc lưu giữ di sản văn hoá nguyên thủy của cộng đồng.

BÀI 2. VẼ ĐẸP CỦA THƠ CA

1. Thơ và thơ trữ tình

- Thơ là hình thức tổ chức ngôn từ đặc biệt, tuân theo một mô hình thi luật hoặc nhịp điệu nhất định. Mô hình này làm nổi bật mối quan hệ giữa âm điệu và ý nghĩa của ngôn từ thơ ca. Với hình thức ngôn từ như thế, thơ có khả năng diễn tả được những tình cảm mãnh liệt hoặc những ấn tượng, xúc động tinh tế của con người trước thế giới.
- Thơ trữ tình là loại tác phẩm thơ thường có dung lượng nhỏ, thể hiện trực tiếp cảm xúc, tâm trạng của nhân vật trữ tình.

2. Nhân vật trữ tình

Nhân vật trữ tình là người trực tiếp bộc lộ rung động và tình cảm trong bài thơ trước một khung cảnh hoặc sự tình nào đó. Nhân vật trữ tình có mối liên hệ mật thiết với tác giả song không hoàn toàn đồng nhất với tác giả.

3. Hình ảnh thơ

Hình ảnh thơ là các sự vật, hiện tượng, trạng thái đời sống được tái tạo một cách cụ thể, sống động bằng ngôn từ, khơi dậy cảm giác cũng như gợi ra những ý nghĩa tinh thần nhất định đối với người đọc.

4. Văn thơ, nhịp điệu, nhạc điệu, đối, thi luật, thể thơ.

- **Văn thơ:** sự cộng hưởng, hòa âm theo quy luật giữa một số âm tiết trong hay cuối dòng thơ. văn có chức năng liên kết các dòng thơ và góp phần tạo nên nhịp điệu, nhạc điệu cũng như giọng điệu của bài thơ.
- **Nhịp điệu:** những điểm ngắt hay ngừng theo chu kì nhất định trên văn bản do tác giả chủ động bố trí. Nhịp điệu chứa đựng sự lặp lại có biến đổi của các yếu tố ngôn ngữ và

hình ảnh nhằm gợi ra cảm giác về sự vận động của sự sống và thể hiện cảm nhận thẩm mỹ về thế giới.

- **Nhạc điệu:** cách tổ chức các yếu tố âm thanh của ngôn từ để lời văn gợi ra cảm giác về âm nhạc(âm hưởng, nhịp điệu). Trong thơ, những phương thức cơ bản để tạo nhạc điệu là gieo vần, ngắt nhịp, điệp, phối hợp thanh điệu bằng - trắc...

- **Đối:** cách tổ chức lời văn thành hai vế cân xứng và sóng đôi với nhau cả về ý và lời, có thể chia đối thành hai loại: đối cân(thuận chiều), đối chọi (trương phản).

- **Thi luật:** toàn bộ những quy tắc tổ chức ngôn từ trong thơ như gieo vần, ngắt nhịp, hòa thanh, đối, phân bố số tiếng trong một dòng thơ, số dòng trong cả bài thơ,...

- **Thể thơ:** sự thống nhất giữa mô hình thi luật và loại hình nội dung của tác phẩm thơ. Các thể thơ được hình thành và duy trì sự ổn định của chúng trong quá trình phát triển của lịch sử văn học.

B. YÊU CẦU

1. Đọc hiểu

- Nắm chắc các tri thức Ngữ văn để vận dụng làm bài đọc hiểu.

- Vận dụng các tri thức đã học để xác định được các yếu tố như cốt truyện, nhân vật, người kể chuyện, lời kể, nhân vật trữ tình, hình ảnh thơ, thể thơ, thời gian, không gian....

2. Viết

- Nắm chắc cách viết văn bản nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm **truyện** (Tìm ý, lập dàn ý, những yêu cầu khi viết, chỉnh sửa...theo nội dung ở sách giáo khoa Ngữ văn 10 – **trang 33, 34**), và có thể vận dụng để viết một văn bản nghị luận về một tác phẩm truyện theo yêu cầu.

- Nắm chắc cách viết văn bản nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm **thơ** (Tìm ý, lập dàn ý, những yêu cầu khi viết, chỉnh sửa...theo nội dung ở sách giáo khoa Ngữ văn 10 – **trang 65, 66**), và có thể vận dụng để viết một văn bản nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ theo yêu cầu.

PHẦN 3: ĐỀ THAM KHẢO

ĐỀ 1

SỞ GD&ĐT LÂM ĐỒNG

**TRƯỜNG THPT BÙI THỊ XUÂN-ĐÀ
LẠT**

ĐỀ THAM KHẢO

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

NĂM HỌC 2025-2026

MÔN NGỮ VĂN – LỚP 10

Thời gian làm bài: 90 phút

(không kể thời gian phát đề)

(Đề kiểm tra có 02 trang)

I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

BÀI HỌC TUỔI THƠ

Nguyễn Quang Sáng

Thằng con tôi 11 tuổi, học lớp sáu. Qua mùa thi chuyển cấp, nhân một buổi chiều cho con đi chơi mát, đang hỏi nó về chuyện thi cử, nó chợt hỏi lại tôi:

- Ba! Có bao giờ thấy có một bài luận văn nào điểm không không ba? Con sợ không cô cho bị bằng quả trứng gà. Không phải cho bên lẻ, mà một vòng tròn giữa trang giấy. Thiệt đó ba. Chuyện ngay trong lớp của con, chứ không phải con nghe kể đâu.

Tôi chưa kịp hỏi, nó tiếp:

- Còn thua ba nữa đó, ba. Ít nhất ba cũng được nửa điểm. Còn thằng bạn của con, con sợ không bị như quả trứng.

Thằng con tôi ngửa mặt cười, có lẽ nó thấy thú vị vì thời học trò của ba nó ít nhất cũng hơn được một đứa. [...] Hồi tôi học ở trường trung học Nguyễn Văn Tố (1948 - 1950), tôi là một học sinh trung bình, về môn văn không đến nổi liệt vào loại kém, nhưng không có gì tỏ ra là người có khiếu văn chương. Và có một lần, bài luận văn của tôi chỉ được có một điểm trên hai mươi (1/20). Đó là kỷ niệm không quên trong đời học sinh của tôi, môn văn. [...]

Tôi hỏi con tôi:

- Luận văn cô cho khó lắm hay sao mà bạn con bị không điểm?

- Luận văn cô cho "Trò hãy tả buổi làm việc ban đêm của bố".

- Con được mấy điểm?

- Con được sáu điểm.

- Con tả ba như thế nào?

- Thì ba làm việc làm sao thì con tả vậy.

- Mấy đứa khác, bạn của con?

Thằng con tôi như chợt nhớ, nó liến thoắng:

- A! Có một thằng ba nó không hề làm việc ban đêm mà nó cũng được sáu điểm đó ba.

- Đêm ba nó làm gì?

- Nó nói, đêm ba nó toàn đi nhậu.

- Nó tả ba nó đi nhậu à?

- Dạ không phải. Ba nó làm việc ban ngày nhưng khi nó tả thì nó tả ba nó làm việc ban đêm.

- Còn thằng bạn bị không điểm, nó tả như thế nào?

- Nó không tả không viết gì hết, nó nộp giấy trắng cho cô.

- Sao vậy?

- Hôm trả lại bài cho lớp, cô gọi nó lên, cô giận lắm, ba. Cô hét: "Sao trò không làm bài". Nó cúi đầu làm thinh. Cô lại hét to hơn: "Hà?". Nó cũng làm thinh. Tụi con ngồi dưới, đứa nào cũng run.

- Nó là học trò loại "cá biệt" à?

- Không phải đâu ba, học trò tiên tiến đó ba.

- Sao nữa? Nó trả lời cô giáo như thế nào?

- Nó cứ làm thỉnh. Tức quá, cô mới quất cây thước xuống bàn cái chát: "Sao trò không làm bài?" Tới lúc đó nó mới nói: "Thưa cô, con không có ba". Nghe nó nói, hai con mắt của cô con mở tròn như hai cái tô. Cô đứng sững như trời trồng vậy ba!

Tôi bỗng nhập vai là cô giáo. Tôi thấy mình ngã quỵ xuống trước đứa học trò không có ba. Sau đó cô và cả lớp mới được biết, em mồ côi cha khi vừa mới lọt lòng mẹ. Ba em hy sinh trên chiến trường biên giới. Từ ấy, má em ở vậy, tần tảo nuôi con... Có người hỏi em: "Sao mày không tả ba của đứa khác". Em không đáp, cúi đầu, hai giọt nước mắt chảy dài xuống đôi má.

Chuyện của đứa học trò bị bài văn không điểm đã để lại trong tôi một nỗi đau. Em bị không điểm, nhưng với tôi, người viết vẫn là một bài học, bài học trung thực. Sáng tạo không đồng nghĩa với bịa đặt. Giữa những dòng chữ bịa đặt và trang giấy trắng, tôi xin để trang giấy trắng trung thực trên bàn viết.

(Nguồn : https://isach.info/story.php?story=bai_hoc_tuoi_tho__nguyen_quang_sang)

Thực hiện yêu cầu:

Câu 1. Văn bản trên được kể theo ngôi kể nào? (0.5 điểm)

Câu 2. Trong truyện, vì sao cậu học sinh bị cô giáo cho **điểm không** trong bài làm văn? (0.5 điểm)

Câu 3. Anh/Chị có suy nghĩ gì về hành động của cô giáo “hai con mắt của cô con mở tròn như hai cái tô. Cô đứng sững như trời trồng” sau khi nghe câu trả lời của cậu bé? (1.0 điểm)

Câu 4. Từ câu chuyện về cậu học trò trong truyện, anh/chị rút ra bài học gì trong cuộc sống? (1.0 điểm)

Câu 5. Hãy viết một đoạn văn (khoảng 7 - 10 dòng) trình bày cảm nhận của anh/chị về cậu bé bị điểm không trong câu chuyện trên. (1.0 điểm)

II. LÀM VĂN (4.0 điểm)

Viết bài luận phân tích, đánh giá chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của văn bản *Bài học tuổi thơ* của Nguyễn Quang Sáng ở phần Đọc – hiểu.

-----HẾT-----

ĐỀ 2

SỞ GD&ĐT LÂM ĐỒNG
TRƯỜNG THPT BÙI THỊ XUÂN – ĐÀ LẠT

ĐỀ THAM KHẢO

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

NĂM HỌC 2025-2026

MÔN NGỮ VĂN – LỚP 10

Thời gian làm bài: 90 phút

(không kể thời gian phát đề)

(Đề kiểm tra có 02 trang)

I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Đọc văn bản sau:

Lời chào

*(1) Ta đã đi qua những năm tháng không ngờ
Vô tư quá để bây giờ xao xuyến
Bèo lục bình mênh mang màu mực tím
Nét chữ thiếu thời trôi nhanh như dòng sông...*

*(2) Ta lớn lên bồi rồi một sắc hồng
Phượng cứ nở hoài như đếm tuổi
Như chiều nay, một buổi chiều dẫu dỗi
Ta nhận ra mình đang lớn khôn...*

*(3) Biết ơn những cánh sẻ nâu đã bay đến cánh đồng
Rút những cọng rom vàng về kết tổ
Đã dạy ta với cánh diều thơ nhỏ
Biết kéo về cả một sắc trời xanh...*

*(4) Biết ơn mẹ vẫn tính cho con thêm một tuổi sinh thành
“Tuổi của mẹ” con nằm tròn bụng mẹ
Để con quý yêu tháng ngày tuổi trẻ
Buổi mở mắt chào đời, phút nhắm mắt ra đi [...]*

(Nguyễn Khoa Điềm, in trong *Trường ca Mặt đường khát vọng*,
NXB Giải phóng, 1974)

Nguyễn Khoa Điềm: sinh năm 1943 tại Thừa Thiên – Huế trong một gia đình trí thức có truyền thống yêu nước và cách mạng, thuộc thế hệ các nhà thơ trẻ trưởng thành trong khói lửa của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Năm 2000, ông được nhận Giải thưởng Nhà nước về văn học nghệ thuật. Phong cách thơ hấp dẫn bởi sự kết hợp giữa cảm xúc nồng nàn và suy tư sâu lắng của người trí thức về đất nước, con người Việt Nam.

Trường ca *Mặt đường khát vọng*: được hoàn thành ở chiến khu Trị - Thiên năm 1971, in lần đầu năm 1974, viết về sự thức tỉnh của tuổi trẻ đô thị vùng tạm chiếm miền Nam về

non sông đất nước, về sứ mệnh của thể hệ mình, xuống đường đấu tranh hòa nhịp với cuộc chiến đấu chống đế quốc Mĩ xâm lược. Đoạn trích *Lời chào* thuộc chương I của trường ca.

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Đoạn trích được viết theo thể thơ nào? (0.5 điểm)

Câu 2. Trong đoạn trích, nhà thơ đã bày tỏ lòng biết ơn với những đối tượng nào? (0.5 điểm)

Câu 3. Anh/Chị hiểu như thế nào về câu thơ: “*Nét chữ thiếu thời trôi nhanh như dòng sông*”? (1.0 điểm)

Câu 4. Thông điệp nào trong đoạn trích có ý nghĩa nhất với anh/chị? (1.0 điểm)

Câu 5. Theo anh/chị, mỗi chúng ta cần sống như thế nào khi “*nhận ra mình đang lớn khôn*”? (Trả lời khoảng 7 - 10 dòng) (1.0 điểm)

II. VIẾT (4.0 điểm)

Anh/Chị hãy viết một bài văn nghị luận phân tích, đánh giá nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của đoạn trích *Lời chào* (Nguyễn Khoa Điềm) ở phần Đọc – hiểu.

-----HẾT-----